

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-PT

Ngày: 24 – 4 – 2024

V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2023/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2022, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn N1 có thỏa thuận: Ông N1 là người bà N thuê xây dựng công trình nhà mồ của gia đình. Bà N là người mua vật liệu xây dựng theo yêu cầu của ông N1, vì bà không rõ việc xây

dựng như thế nào nên ông N1 yêu cầu mua vật liệu gì thì bà mua vật liệu đó, mục đích để làm công trình cho chắc chắn là được. Theo đó, bà và ông N1 thỏa thuận hợp đồng ông N1 xây dựng công trình với tiền công là 47.000.000 đồng, còn tất cả những vật liệu xây dựng do bà chi trả. Ngoài tờ hợp đồng mà bà đã giao nộp cho Tòa án thì giữa bà và ông N1 không có thỏa thuận nào khác. Bà và ông N1 cũng không có thỏa thuận xây dựng cụ thể công trình nhà mô như thế nào, cũng không có bản thiết kế công trình xây dựng. Trong quá trình xây dựng, ông N1 đã tính toán sai nên dẫn đến mái che bị thiếu, không phủ đầu kèo, dột nước, nền mộ bị lún gây đọng nước. Bà đã có ý kiến nhưng ông N1 không khắc phục. Hiện tại bà đã trả tiền công cho ông N1 40.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng. Trước đây bà yêu cầu khởi kiện buộc ông N1 bồi thường cho bà 24.250.000.000 đồng để bà thuê người khác khắc phục thiệt hại trên. Tuy nhiên, nay bà không yêu cầu ông N1 bồi thường cho bà số tiền này, mà bà yêu cầu ông N1 là người trực tiếp khắc phục thiệt hại cho bà, cụ thể: Ông N1 phải lợp lại mái tole phủ đầu kèo từ 20 đến 30cm, khắc phục lại nền mộ không còn bị lún, không được bể gạch.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Thời gian thì ông không nhớ, nhưng trong năm 2022 giữa ông và bà Nguyễn Thị N có ký kết hợp đồng, theo đó ông sẽ xây dựng khu nhà mô cho cha mẹ của bà N với diện tích ngang 5m, dài 10m, trong đó có 02 ngôi mộ, 10 cây cột ốp gạch, 03 bậc tam cấp, mái tole mộ, ốp gạch hết nhà mô, lan can cao 80cm, mặt trong ốp gạch. Tất cả vật tư xây dựng do bà N mua, tiền công xây dựng bà N trả cho ông là 47.000.000 đồng, chỉ khi nào xây dựng xong thì xem như hoàn thành, chứ không có quy định thời gian. Việc thỏa thuận này, ông và bà N có lập giấy tay và cả hai cùng ký tên. Sau khi xây dựng gần xong (khoảng gần 02 tháng), bà N cho ông biết là nền mộ bị trũng, ngập nước, ông mới kêu bà N mua vật tư để ông khắc phục, nhưng bà N không mua cũng không thông báo cho ông về việc mái che bị thiếu, dột mưa như bà N trình bày. Ông xác định từ lúc xây dựng mộ cho cha mẹ của bà N, ông không có tháo dỡ hay đập phá ngôi mộ làm hư hỏng tài sản gì. Quá trình xây dựng, bà N đã tạm ứng cho ông số tiền 40.000.000 đồng, hiện tại còn nợ lại số tiền 7.000.000 đồng theo thỏa thuận đã ký. Nay, bà N yêu cầu ông bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 24.250.000 đồng là ông không đồng ý. Vì ông chỉ xây dựng ăn công, còn toàn

bộ vật tư thì do bà N mua. Nên nếu xác định khu mộ của cha mẹ bà N hư hỏng chỗ nào thì ông sẽ xây dựng khắc phục chỗ đó, vật tư do bà N mua, đồng thời yêu cầu bà N trả số tiền theo hợp đồng còn nợ là 7.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, Bản án số 116/2023/DS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn N1.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N1 bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 3.580.000 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc ông Nguyễn Văn N1 khắc phục nền mộ bị lún.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Văn N1 bồi thường cho bà tổng số tiền 15.356.500 đồng và ông N1 phải là người chịu toàn bộ chi phí vụ kiện vì ông N1 là người có lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án số 116/2023DS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N gửi đến Tòa án còn trong hạn luật định và đúng quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông N1 bồi thường cho bà số tiền 24.250.000.000 đồng để bà thuê người khác khắc phục thiệt hại. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông N1 là người trực tiếp khắc phục thiệt hại cho bà. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Trong quá trình làm việc, ông Nguyễn Văn N1 có yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền 7.000.000 đồng còn nợ lại theo hợp đồng đã ký kết. Xét đây là yêu cầu phản tố, nhưng ông N1 không làm đơn phản tố, nên Tòa án đã không thụ lý yêu cầu của ông theo quy định tại Điều 189, 190, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N1 có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Văn N1 bồi thường cho bà tiền mua cát, đá, xi măng để khắc phục mái che, nên mộ bị trũng ngập nước

với tổng số tiền 15.356.500 đồng và ông N1 phải là người chịu toàn bộ chi phí vụ kiện vì ông N1 là người có lỗi, thấy rằng:

[2.3.1] Theo nội dung tờ “Hợp đồng” (Bút lục số 03) mà bà Nguyễn Thị N cung cấp và ông Nguyễn Văn N1 cũng thừa nhận có nội dung: *“Tôi Nguyễn Văn N1 thợ hồ có nhận xây cất cô Nguyễn Thị N nền mộ ngang 05m dài 10m, có 02 mộ, 10 cột ốp gạch, 03 tam cấp, mái tole mộ và dán gạch, dán hết nhà mộ, lan can cao 80cm, một mặt trong dán gạch, tiền công bốn mươi bảy triệu”*. Như vậy, trong nội dung hợp đồng không thể hiện công trình được xây dựng như thế nào, không thể hiện cụ thể quy cách xây dựng mái che và nền mộ phải như thế nào và cũng không thể hiện ai là người mua vật liệu xây dựng.

[2.3.2] Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bà N và ông N1 cùng thống nhất xác định: Xây dựng công trình trên, bà N là người sẽ chi trả toàn bộ chi phí mua vật liệu xây dựng, ông N1 sẽ là người đưa ra các vật liệu cần phải mua và nhận tiền công xây dựng là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng), lời thừa nhận của các bên là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà N đều xác định: Tuy bà và ông N1 không có thỏa thuận cụ thể quy cách xây dựng như thế nào nhưng ông N1 là thợ xây nên phải biết tính toán và xây dựng như thế nào cho đúng quy chuẩn trong xây dựng. Do ông N1 tính toán sai nên mái che bị thiếu không phủ đầu kèo, nền mộ bị trũng nước nên ông N1 phải bỏ tiền bồi thường vật tư và tiền công để khắc phục.

Xét thấy: Đối với mái che khu mộ bị thiếu (không phủ đầu kèo):

Cả hai bên xác định ông N1 là người tính toán đưa ra yêu cầu về việc mua vật tư xây dựng và bà N là người đứng ra mua vật tư trên cơ sở yêu cầu của ông N1. Mặc dù, các bên không thỏa thuận ông N1 sẽ xây dựng mái che như thế nào nhưng theo thông lệ chung tại địa phương và để đảm bảo giá trị sử dụng của công trình xây dựng thì khi xây dựng mái che phải phủ đầu kèo để tránh dột nước, bảo đảm khả năng sử dụng của công trình; ông N1 xây dựng mái che bị thiếu không phủ đầu kèo là chưa đáp ứng được yêu cầu của một công trình xây dựng thông thường. Việc mái che bị thiếu xuất phát từ ông N1 tính toán chưa chính xác dẫn đến việc bà N mua vật tư không đủ. Do hai bên

thỏa thuận bà N là người mua vật tư, không có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại, ông N1 tính toán sai nhưng không gây ra thiệt hại về vật tư mà chỉ mất ngày công lao động để khắc phục, do đó cấp sơ thẩm buộc ông N1 chịu tiền vật tư để khắc phục đối với mái che là không phù hợp. Tuy nhiên, do ông N1 không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết ở cấp phúc thẩm.

Đối với yêu cầu khắc phục nền mộ bị lún: Chị N yêu cầu phải dỡ gạch để khắc phục và lát gạch lại không được bề gạch. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định ngày 03/11/2023, theo anh Nguyễn Văn Đ là người làm công việc xây dựng tại địa phương cho biết nền mộ bị lún là do không có đóng cừ. Nếu dỡ lên làm lại thì sẽ hư toàn bộ gạch lát. Nên phương án tốt nhất là tạo một rãnh ngang 2cm, sâu 2cm (tại vị trí gần cây cột thứ hai, từ Hướng Đ qua) và khoan thêm hai lỗ thoát nước, đường kính khoảng 2cm. Việc khắc phục hai vấn đề nêu trên mất một ngày công lao động của hai người làm công, một người làm công chi phí một ngày là 350.000 đồng. Như đã phân tích nêu trên do các bên không có thỏa thuận ông N1 phải xây dựng nền mộ cụ thể như thế nào, nên không có căn cứ buộc ông N1 phải chịu tiền mua vật liệu xây dựng để khắc phục thiệt hại này. Song, theo lẽ thường nền phải bằng phẳng, trừ khi có thỏa thuận khác, nên việc ông N1 xây dựng nền bị trũng đọng nước là chưa đảm bảo chất lượng công trình nên ông N1 phải có trách nhiệm khắc phục lỗi này, cụ thể ông N1 phải có trách nhiệm bỏ ngày công lao động để khắc phục thiệt hại. Theo Hội đồng xem xét thẩm định (các thành viên trong Hội đồng đều thống nhất với đề xuất như nêu trên của anh Nguyễn Văn Đ, không có ý kiến khác) để khắc phục lỗi này chỉ mất một ngày công lao động của hai người làm công, không xác định thiệt hại về vật tư nên việc cấp sơ thẩm buộc ông N1 chịu tiền công lao động để khắc phục nền mộ bị lún, đọng nước là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, toàn diện, có căn cứ và xét xử đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 116/2023/DS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng

ngiht đã phát sinh hiệulực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị N kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên phải bà N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513, 517 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn N1.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N1 bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 3.580.000 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc ông Nguyễn Văn N1 khắc phục nên mộ bị lún.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 2.470.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn N1 mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.235.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn N1 phải chịu 1.235.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà N đã nộp đủ và đã chi phí hết nên buộc ông N1 phải hoàn trả cho bà N số tiền 1.235.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn N1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 606.000 đồng (Sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013574 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi sẽ được đối trừ, bà N được hoàn lại 306.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003826 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh B sẽ được chuyển thu án phí phúc thẩm.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm 116/2023/DS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Tổ HCTP.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Anh